TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2025/KDTM-PT
Ngày: 11- 4 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú
Các Thẩm phán:
1/ Bà Hoàng Thị Bích Thảo.
2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Kim Oanh- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thơm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 281/KDTM-PT ngày 30/12/2024 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2024/KDTM-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 728/2025/QĐXX-PT ngày 19/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 3213/2025/QĐ-PT ngày 19/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T.
MĐịa chỉ: Văn phòng 2.05 Tầng 2, Cao ốc G9, Số C N, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thành P, chức vụ: giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Nguyễn H;
Địa chỉ: Số 180-192 N, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Bị đơn*:**
1. Công ty TNHH Bao Bì V.
Địa chỉ: 34/2T C, ấp 6, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình V, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Số 4.17 Lô A, chung cư T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Hoàng A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: A4.17 chung cư T, phường T, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có Đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Ông Nguyễn Quý H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 101/12 T1, Phường M, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH SXTM T4;

Địa chỉ: Lô số 43A Đường số 2, Khu công nghiệp T5, phường T A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quý TR.

Địa chỉ: Lô số 43A Đường số 2, Khu công nghiệp T5, phường T A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

Do có kháng cáo của Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty TNHH T - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn H và ông Huỳnh Duy T cùng thống nhất trình bày:

Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 01/2023, Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) có giao dịch mua bán hàng hóa là bã vỏ điều với các bên bao gồm: Công ty TNHH Sản xuất thương mại T4 (viết tắt là Công ty T4), ông Nguyễn Quý H và Công ty TNHH Bao bì V (viết tắt là Công ty V). Các bên sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo để trao đổi thông tin qua đó giao kết, thực hiện hợp đồng.

Cụ thể, thông qua liên hệ với ông Nguyễn Quý H, Công ty T có trao đổi những nội dung về việc mua bán bã vỏ điều. Để thực hiện việc mua bán, Công ty T và ông H trao đổi, thống nhất đơn giá mua bán vào đầu kỳ mỗi tháng, trên cơ sở đơn giá đã được thống nhất, ông H sẽ nhắn tin yêu cầu Công ty T giao hàng tại các địa điểm do ông H chỉ định (bao gồm: Công ty T4, Công ty V), khối lượng hàng của từng lần giao hàng được xác định qua dịch vụ cân xe bởi bên thứ ba.

Qua quá trình thực hiện giao dịch, giữa Công ty T và Công ty V đã phát sinh khoản công nợ là 1.064.998.400 VNĐ (Bằng chữ: Một tỷ không trăm sáu mươi tư triệu chín trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng). Số tiền hàng là công nợ nêu trên đã được các bên thống nhất, bao gồm tổng cộng 15 đợt giao hàng, trong đó:

+ 08 đợt giao hàng, từ tháng 9/2022 đến cuối tháng 10/2022, do ông Nguyễn Quý H đặt hàng rồi yêu cầu Công ty T giao đến địa chỉ được chỉ định (Công ty V);

+ 07 đợt, từ tháng 11/2022 đến tháng 01/2023, ông Nguyễn Quý H giao cho đại diện Công ty V được làm việc với Công ty T để đặt hàng và trao đổi việc cho Công ty V đặt hàng là để cho Công ty V lấy hóa đơn.

Sau khi Công ty T chốt được công nợ với Công ty V, ngày 13/02/2023, Công ty T đã gửi đề nghị thanh toán đến Công ty V. Tuy nhiên, đến nay Công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đồng thời, trong quá trình giao dịch, ông Nguyễn Quý H, Công ty T4 có bảo đảm với Công ty T về việc thanh toán đối với khoản công nợ của Công ty V. Đây là quan hệ bảo lãnh thanh toán, nghĩa vụ được bảo lãnh là dư nợ của Công ty V trong quá trình giao dịch với Công ty T. Căn cứ vào đó, sau khi Công ty V không thanh toán được công nợ, vào các ngày 27/4/2023, 09/5/2023, 15/5/2023, chúng tôi đã gửi văn bản đề nghị Công ty T4 và ông Nguyễn Quý H thanh toán theo nội dung bảo lãnh. Thế nhưng, từ đó đến nay, Công ty T4 và ông Nguyễn Quý H – Bên bảo lãnh thanh toán vẫn không hợp tác để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số công nợ của Công ty V mà bên bảo lãnh đã cam kết thanh toán thay.

Như vậy, từ ngày 13/02/2023 sau khi các bên thống nhất công nợ và Công ty V đã nhận được yêu cầu đề nghị thanh toán thì đến nay Công ty V vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T. Đồng thời, Bên bảo lãnh - Công ty T4, ông Nguyễn Quý H cũng vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán.

Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400đ (Sáu trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng) cho Công ty chúng tôi ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

2. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Bao bì V phải thanh toán số tiền công nợ là 432.348.000đ (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cho Công ty chúng tôi ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

3. Yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo nghĩa vụ bảo lãnh nếu Công ty TNHH Bao bì V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

4. Công ty T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với công ty TNHH SXTM T4 cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm

bốn mươi tám nghìn đồng) theo nghĩa vụ bảo lãnh nếu Công ty TNHH Bao bì V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

* Căn cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T, cụ thể như sau:

1. Về việc giao kết và thực hiện hợp đồng

Công ty T là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có: Bán buôn chất đốt nhiên liệu củi, vỏ điều, dầu điều, trấu...

Xuất phát từ nhu cầu của ông Nguyễn Quý H, sau khi biết Công ty T có cung cấp mặt hàng là bã võ điều để đốt lò, bằng việc trao đổi thông qua mạng xã hội ZALO, từ tháng 01/2022, ông Nguyễn Quý H đã trao đổi với Công ty T để mua bã vỏ điều.

Quá trình thực hiện giao dịch, giữa ông Nguyễn Quý H và Công ty T thực hiện theo cách thức: Về đơn giá, do giá thị trường đối với mặt hàng này thường xuyên biến động, do đó hai bên sẽ thỏa thuận đơn giá tại kỳ đầu mỗi tháng và áp dụng cho các đợt giao hàng sau đó trong cùng tháng. Trên cơ sở đơn giá đã trao đổi, ông Nguyễn Quý H sẽ nhắn tin đặt hàng qua zalo, đồng thời cung cấp địa chỉ để Công ty T giao hàng. Khi Công ty T vận chuyển hàng đến địa chỉ ông Nguyễn Quý H yêu cầu, Công ty T sẽ cho cân hàng tại Trạm cân theo thỏa thuận hai bên hoặc do ông Nguyễn Quý H hướng dẫn, Phiếu cân hàng là cơ sở để xác định giá trị tiền hàng mà ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T tương ứng với từng đợt giao hàng.

Cuối mỗi tháng, Công ty T sẽ tổng hợp giá trị hàng mà ông Nguyễn Quý H đã mua trong kỳ để gửi yêu cầu thanh toán. Đồng thời, theo yêu cầu của ông Nguyễn Quý H Công ty T sẽ xuất hóa đơn cho đơn vị mà ông Nguyễn Quý H chỉ định.

Việc giao dịch giữa Công ty T với ông Nguyễn Quý H như trên được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 01/2022. Công nợ trong giai đoạn từ tháng 01/2022 đến tháng 8/2022 đã được ông Nguyễn Quý H thanh toán đầy đủ, trong giai đoạn này ông Nguyễn Quý H yêu cầu Công ty T giao hàng tại kho V và xuất hóa đơn cho Công ty TNHH T4. Công nợ của ông Nguyễn Quý H mà Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này được liệt kê chi tiết như sau:

Ngày đặt hàng	Ngày giao hàng	Bên đặt hàng	Nơi giao hàng	Khối lượng (kg)	Thành tiền (VNĐ)
31/08/2022	01/09/2022	Nguyễn Quý H	V	25,950	79.926.000
08/09/2022	10/09/2022	Nguyễn Quý H	V	26,500	81.620.000
19/09/2022	20/09/2022	Nguyễn Quý H	V	25,600	78.848.000

27/09/2022	28/09/2022	Nguyễn Quý H	V	25,210	77.646.800
05/10/2022	05/10/2022	Nguyễn Quý H	V	25,680	81.148.800
12/10/2022	12/10/2022	Nguyễn Quý H	V	25,600	80.896.000
19/10/2022	20/10/2022	Nguyễn Quý H	V	23,820	75.271.200
28/10/2022	28/10/2022	Nguyễn Quý H	V	24,460	77.293.600
Tổng cộng					632.650.400

Chi tiết của từng đợt giao hàng là Phiếu cân xe đã được Công ty T giao nộp trong hồ sơ khởi kiện. Số liệu liên quan đến các đợt giao hàng này đã được các bên liên quan thừa nhận và không có tranh chấp trong quá trình tòa án giải quyết vụ việc.

Trong quá trình yêu cầu thanh toán, ông Nguyễn Quý H đề nghị Công ty T xuất hóa đơn các đợt hàng giao từ ngày 31/08/2022 đến 28/10/2022 cho bên nhận hóa đơn là Công ty TNHH Bao bì V. Trước khi được cung cấp thông tin để xuất hóa đơn cho Công ty V thì Công ty T không mua bán hay có bất kỳ thỏa thuận nào với Công ty V, mọi thỏa thuận, giao dịch làm phát sinh giá trị hàng yêu cầu thanh toán trong kỳ đều được ông Nguyễn Quý H thực hiện.

Sau đó, từ thời điểm đầu tháng 11/2022, ông Nguyễn Quý H trao đổi với Công ty T về việc giới thiệu đại diện Công ty TNHH Bao bì V làm việc với Công ty Công ty T để đặt hàng. Lúc đấy Công ty T đã có trao đổi với ông Nguyễn Quý H để làm rõ về cách thức thực hiện việc mua bán với Công ty V, ông Nguyễn Quý H trả lời rằng: V cho đặt để lấy hóa đơn, tới ngày chưa thanh toán thì nhắn anh (nội dung này thể hiện tại trang 26 của Vi bằng).

Phương thức giao kết và thực hiện hợp đồng cũng tương tự như cách thức làm việc với ông Nguyễn Quý H. Các bên trao đổi đơn giá đầu kỳ mỗi tháng, sau đó Công ty V đặt hàng qua điện thoại, đồng thời cung cấp địa chỉ để Công ty T giao hàng. Khi Công ty T vận chuyển hàng đến địa chỉ Công ty V yêu cầu, Công ty T sẽ cho cân hàng tại Trạm cân theo thỏa thuận hai bên hoặc do Công ty V hướng dẫn, Phiếu cân hàng là cơ sở để xác định giá trị tiền hàng mà Công ty V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T tương ứng với từng đợt giao hàng.

Cuối mỗi tháng, Công ty T sẽ tổng hợp giá trị hàng mà Công ty V đã mua trong kỳ để gửi yêu cầu thanh toán.

Việc giao dịch giữa Công ty T với Công ty V như trên được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 11/2022. Công nợ của Công ty V mà Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này được liệt kê chi tiết như sau:

Ngày đặt	Ngày giao	Bên	Nơi	Khối lượng	Thành tiền

hàng	hàng	đặt hàng	giao hàng	(kg)	(VNĐ)
08/11/2022	08/11/2022	V	V	25,200	79.632.000
16/11/2022	16/11/2022	V	V	24,810	78.399.600
26/11/2022	26/11/2022	V	V	25,390	80.232.400
08/12/2022	08/12/2022	V	V	25,270	70.756.000
18/12/2022	18/12/2022	V	V	24,930	69.804.000
27/12/2022	27/12/2022	V	V	26,690	74.732.000
06/01/2023	06/01/2023	V	V	28,140	78.792.000
Tổng cộng					532.348.000
Đã thanh toán					100.000.000
Còn nợ					432.348.000

2. Về quan hệ pháp luật:

Mặt hàng bã vỏ điều là loại chất đốt làm nhiên liệu phục vụ việc đốt lò. Công ty T là doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng bã vỏ điều nhằm mục đích lợi nhuận. Công ty V và ông Nguyễn Quý H mua mặt hàng bã vỏ điều từ Công ty T để sản xuất hoặc kinh doanh nhằm mục đích cụ thể của họ và các mục đích này đều hướng đến lợi nhuận. Do đó, hoạt động của Công ty T là hoạt động thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại và căn cứ khoản 1 Điều 4 Luật Thương mại, hoạt động thương mại phải tuân theo Luật thương mại.

3. Về giao dịch giữa các bên:

Căn cứ hồ sơ khởi kiện của Công ty T bao gồm: Vi bằng ghi nhận nội dung thỏa thuận đơn giá và thực hiện việc giao hàng, thanh toán mà Công ty T đã giao nộp cho Tòa án; các Phiếu cân xe đối với từng lần giao hàng; các Hóa đơn giá trị gia tăng Công ty T đã xuất cho số hàng đã giao cho bên mua trong quá trình thực hiện thỏa thuận mua bán.

Căn cứ nội dung Công ty V, ông Nguyễn Quý H trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Có đầy đủ cơ sở để xác định được rằng trong năm 2022 giữa Công ty T và ông Nguyễn Quý H, Công ty V có thỏa thuận mua bán hàng hóa là bã vỏ điều, việc mua bán được thực hiện nhiều lần, đã giao nhận hàng theo thỏa thuận, các bên không tranh chấp về số lượng và đơn giá hàng đã giao. Việc mua bán hàng hóa không làm hợp đồng bằng văn bản mà thực hiện thông qua việc thỏa thuận trên nền tảng mạng xã hội ZALO.

Bã vỏ điều là mặt hàng thông thường, không có quy định pháp luật yêu cầu việc mua bán đối với mặt hàng này phải lập thành văn bản. Nội dung trao

đổi trên mạng xã hội Zalo là thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật giao dịch điện tử 2005. Trong hoạt động thương mại các Thông điệp dữ liệu này được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản theo quy định tại Điều 15 Luật Thương mại. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 24 Luật Thương mại hình thức thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa các bên trong vụ án này phù hợp với quy định của Luật Thương mại.

Do đó, giữa Công ty T và các bị đơn gồm ông Nguyễn Quý H và Công ty V tồn tại giao dịch mua bán hàng hóa được điều chỉnh theo các quy định tại Chương II Luật Thương mại 2005.

4. Về căn cứ yêu cầu thanh toán nợ gốc của Công ty T.

4.1 Căn cứ yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400đ (Sáu trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng).

Công nợ của ông Nguyễn Quý H mà Công ty T đang yêu cầu thanh toán liên quan đến các đợt giao hàng từ ngày 01/9/2022 đến ngày 28/10/2022.

Chi tiết:

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 31/8/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 20:08 ngày 31/8/2022 "Mai cũng về VK 1 xe nữa nha". Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn của ông Nguyễn Quý H vào lúc 18:03 ngày 29/8/2022. (Nội dung này được ghi nhận tại trang 18 của Vi bằng). Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50H05102 vào lúc 6:42:00 ngày 01/9/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 08/9/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 18:38 ngày 08/9/2022 "Sáng T7= cho VK" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 19 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn của ông Nguyễn Quý H vào lúc 18:03 ngày 29/8/2022. Công ty Trí Phủ đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50H05102 vào lúc 6:44:18 ngày 10/9/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 19/9/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 18:11 ngày 19/9/2022 "Mai về VK" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 20 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn của ông Nguyễn Quý H vào lúc 18:03 ngày 29/8/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50LD12483 vào lúc 12:06:58 ngày 20/9/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 27/9/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 17:57 ngày 27/9/2022 "Cũng cho VK 1 xe" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 20 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn của ông Nguyễn Quý H vào lúc

18:03 ngày 29/8/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50LD12483 vào lúc 00:10:53 ngày 28/9/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 05/10/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 16:55 ngày 05/10/2022 "Mai về VK" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 20 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn vào lúc 11:41 ngày 30/9/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50LD15731 vào ngày 05/10/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 12/10/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 08:56 ngày 12/10/2022 "Mai về VK 1 xe" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 20 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn vào lúc 11:41 ngày 30/9/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50H05102 vào lúc 16:08:00 ngày 12/10/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 19/10/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 16:55 ngày 19/10/2022 "Mai Ttt/ VK mỗi nơi 1 xe" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 21 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn vào lúc 11:41 ngày 30/9/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50H05102 vào lúc 08:07:47 ngày 20/10/2022;

- Đơn hàng được ông Nguyễn Quý H đặt hàng ngày 28/10/2022 theo nội dung tin nhắn lúc 14:41 ngày 28/10/2022 "Mai cho về VK 1 xe buổi sáng" (Nội dung này được ghi nhận tại trang 21 của Vi bằng). Đơn giá của các đợt giao hàng trong tháng đã được các bên thỏa thuận theo tin nhắn vào lúc 11:41 ngày 30/9/2022. Công ty T đã giao hàng cho ông Nguyễn Quý H theo Phiếu cân xe 50H05102 vào lúc 18:59:47 ngày 28/10/2022.

Như đã trình bày ở trên việc giao dịch mua bán ở các đơn hàng trên được các bên thừa nhận không phản đối về số liệu hàng giao và không có tranh chấp về giá trị yêu cầu thanh toán nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết này không phải chứng minh.

Tại thời điểm đặt hàng mua các đơn hàng nêu trên, ông Nguyễn Quý H đồng thời cung cấp thông tin địa chỉ giao hàng là tại kho của Công ty V.

Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty T và ông Nguyễn Quý H không thỏa thuận lập bằng văn bản, đồng thời, trong quá trình mua bán hàng hóa giữa các bên không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán nên nghĩa vụ thanh toán sẽ được căn cứ theo quy định Luật Thương mại tại Điều 55 "Bên mua phải thanh toán cho bên bản vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến

hàng hoá". Do đó, nghĩa vụ thanh toán đối với từng đơn hàng đã phát sinh đối với ông Nguyễn Quý H từ thời điểm bàn giao hàng thành công.

Sau khi các đơn hàng đã giao thành công cho ông Nguyễn Quý H và phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình Công ty T theo dõi công nợ và đề nghị thanh toán thì ông Nguyễn Quý H và cá nhân phụ trách kế toán công ty T4 có yêu cầu Công ty T xuất hóa đơn đối với các đơn hàng này cho Công ty V. Cụ thể, theo các nội dung tại trang 27 của Vi bằng, chị Nguyệt kế toán buộc Công ty T phải xuất hóa đơn cho V đối với các đơn hàng đã phát sinh nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Quý H trước đó. Đồng thời chị Nguyệt còn xác nhận lại việc yêu cầu xuất hóa đơn cho Công ty V được thực hiện theo nội dung yêu cầu và cam kết thanh toán bởi ông Nguyễn Quý H, cụ thể: (đây cũng chính là nội dung ông Nguyễn Quý H nhắn cho Công ty T) việc hóa đơn xuất cho V mình cam kết thanh toán bình thường khi tới ngày mình bù trừ tiền về V và tiền đó vẫn đi đúng lộ trình, nợ vẫn giao nhân viên T4 theo sát (Nội dung này được thể hiện tại trang 29 của Vì bằng). Trên cơ sở yêu cầu và cam kết của ông Nguyễn Quý H Công ty T đã xuất hai hóa đơn số 37, 38 ngày 30/9/2022 cho Công ty V đối với số tiền hàng mà ông Nguyễn Quý H có nghĩa vụ thanh toán. Tại thời điểm đề nghị xuất hóa đơn cho V chính ông H còn nhấn mạnh cam kết nghĩa vụ thanh toán của chính ông H đối với số hàng này. Do đó, Công ty T khẳng định không có thỏa thuận nào giữa các bên về việc chuyển nghĩa vụ thanh toán đối với các đơn hàng do ông Nguyễn Quý H mua cho bên được xuất hóa đơn là Công ty V.

Sau nhiều lần Công ty T liên hệ các bên liên quan để yêu cầu giải quyết việc thanh toán đối với số tiền hàng này nhưng các bên liên quan đều cố ý lẫn tránh nghĩa vụ. Đến nay ông Nguyễn Quý H vẫn chưa thanh toán số tiền hàng này cho Công ty T, như vậy có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Quý H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty T theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại "thời hạn thanh toán được quy định như sau: 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bản vào thời điểm bên bán giao hàng"

Do đó yêu cầu của Công ty T là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

4.2 Về yêu cầu Công ty TNHH Bao bì V phải thanh toán số tiền công nợ là 432.348.000đ (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Công nợ của Công ty V mà Công ty T đang yêu cầu thanh toán liên quan đến các đợt giao hàng từ ngày 08/11/2022 đến ngày 06/01/2023.

Chi tiết về từng đợt đặt hàng, giao hàng của công nợ nêu trên được Công ty V thừa nhận không phản đối về số liệu hàng giao và không có tranh chấp về

giá trị yêu cầu thanh toán nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết này không phải chứng minh.

Tổng giá trị hàng đã bàn giao cho Công ty V là 532,348,000vnđ. Trong quá trình giải quyết công nợ Công ty V đã thanh toán được 100.000.000vnđ nên số tiền này đã được Công ty T đối trừ với số tiền yêu cầu công ty V thanh toán.

Do các bên không lập hợp đồng bằng văn bản nên nghĩa vụ thanh toán phát sinh tại thời điểm bàn giao hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại.

Đến nay Công ty V vẫn chưa thanh toán số tiền hàng này cho Công ty T, như vậy có đủ căn cứ để xác định Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty T theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại "thời hạn thanh toán được quy định như sau: 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng".

Do đó yêu cầu của Công ty T là hoàn toàn có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

5. Về yêu cầu bên bảo lãnh ông Nguyễn Quý H liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình giao dịch và phát sinh công nợ, ông Nguyễn Quý H là người giới thiệu và đề Công ty T cho Công ty V đặt hàng.

Trước sự tín nhiệm từ ông Nguyễn Quý H, đồng thời, khi Công ty T hỏi về việc thanh toán của Công ty V khi Công ty V tự đặt hàng thì ông Nguyễn Quý H đã cam kết trách nhiệm đối với công nợ của Công ty V. Nội dung này được thể hiện tại trang 26 của Vi bằng V cho đặt để lấy hóa đơn tới ngày chưa thanh toán thì nhắn anh.

Về hình thức của thỏa thuận bảo lãnh: các bên thỏa thuận thông qua tin nhắn zalo, đây là thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật giao dịch điện tử, việc giao dịch thông qua thông điệp dữ liệu với hình thức này được Bộ luật Dân sự thừa nhận là giao dịch bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015 “Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản."

Tại nội dung các bên trao đổi qua ứng dụng zalo, sau khi Công ty T yêu cầu làm rõ về nghĩa vụ thanh toán đối với đơn hàng do Công ty V đặt thì ông Nguyễn Quý H đã trả lời tới ngày chưa thanh toán thì báo ông. Như vậy, giữa Công ty T và ông Nguyễn Quý H đã tồn tại thỏa thuận bảo lãnh liên quan quan đến công nợ của Công ty V theo quy định tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự

"Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ".

Do không có thỏa thuận về phạm vi bảo lãnh nên ông Nguyễn Quý H có trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ của Công ty V theo quy định tại khoản 1 Điều 336 Bộ luật Dân sự.

Sau khi Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty T đã liên hệ ông Nguyễn Quý H để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhưng ông Nguyễn Quý H cố ý lẫn tránh trách nhiệm của mình do đó theo quy định tại khoản 1 "Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó", khoản 2 "Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại. "Điều 342 Bộ luật Dân sự Chúng tôi có quyền yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán đối với số tiền hàng mà Công ty V đã mua.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty V – có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Hoàng A trình bày:

Công ty V xác nhận có công nợ với Công ty T số tiền là 1.064.998.400 VNĐ. Dịch covid 19 và tình hình siết room tín dụng của các Ngân hàng đã làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình tài chính của Công ty V từ cuối năm 2019 đến hết năm 2021, dẫn đến Công ty V phải tạm ngừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện Công ty V đang phải đối mặt với khoản nợ của các Ngân hàng và tổ chức cho thuê tài chính lên đến 200 tỷ đồng chưa bao gồm nợ các tổ chức, cá nhân khác. Do Công ty V không có khả năng thanh toán công nợ quá hạn cho các nhà cung cấp nên các nhà cung cấp không giao hàng có công nợ cho Công ty V nên Công ty V chỉ còn một giải pháp duy nhất để duy trì sự tồn tại của Công ty là nhận gia công các đơn hàng cho một số khách hàng.

Đến thời điểm này, sự khủng hoảng kinh tế thị trường của thế giới đã ảnh hưởng khiến nền kinh tế của Việt Nam cũng suy giảm và Công ty V cũng không ngoại lệ. Công ty V không thể tìm kiếm được các đơn hàng gia công từ các khách hàng cũ do họ cũng sụt giảm kinh doanh thậm chí vài đối tác cũ đã dừng hoạt động. Công ty V vẫn đang nỗ lực tìm các giải pháp để hoạt động trở lại nhằm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các bên liên quan bị ảnh hưởng. Để Công ty V khôi phục tài chính thì cần có thời gian tối thiểu từ 2 đến 5 năm. Do vậy, Công ty V xin đưa ra phương án trả nợ như sau:

Các bên xác nhận số tiền nợ đến thời điểm hiện tại và không tính lãi trên phần công nợ trên. Thời gian Công ty V có thể bắt đầu trả nợ dần từ sau 2 năm kể từ khi Công ty V hoạt động lại. Dựa trên tình hình hoạt động trở lại thực tế thì sẽ chi trả số tiền phù hợp với hiện trạng lúc đó. Song song đó, Công ty V vẫn rao bán nhà xưởng để trả nợ cho Ngân hàng và các Bên liên quan. Công ty V vẫn luôn có ý chí duy nhất là làm mọi cách để Công ty hoạt động lại và trả nợ cho các bên liên quan.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của công ty T, Công ty V không đồng ý vì công nợ và số tiền hàng hóa là của công ty V nợ công ty T không liên quan tới ông Nguyễn Quý H.

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 12/12/2023 và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quý H trình bày:

Giai đoạn từ trước tháng 09/2022, ông H có trực tiếp giao dịch mua bã vỏ điều với Công ty T và yêu cầu giao hàng tại Công ty V để thực hiện sản xuất gia công hàng hóa cho Công ty T4 và cho các đối tác của công ty V. Đồng thời hỗ trợ giới thiệu cho Công ty V và Công ty T có cơ hội hợp tác với nhau sau này. Từ tháng 10/2023, Công ty V có nhu cầu mua hàng từ Công ty TNHH T. Ông H đã hỗ trợ kết nối 2 bên với nhau cho vài đợt giao hàng. Sau đó, 2 bên tự chủ động trao đổi, đặt hàng với nhau và xuất hóa đơn cho nhau. Cho đến khi Công ty V thông báo tạm dừng hoạt động do khó khăn tài chính thì Công ty V cũng đã chủ động thông báo và xác nhận công nợ với Công ty T số tiền là 1.064.998.400 VNĐ.

Việc Công ty V sử dụng bã vỏ điều của Công ty T là có thật và phục vụ cho hoạt động sản xuất của riêng Công ty V, không liên quan gì đến Công ty T4. Ông H không là đại diện pháp lý của Công ty T4 nên việc yêu cầu Công ty T4 chịu trách nhiệm liên đới phải thanh toán thay công nợ cho Công ty V là hoàn toàn không đúng. Từ các ý kiến nêu trên, ông H yêu cầu Công ty T rút yêu cầu khởi kiện Công ty T4, ông Nguyễn Quý H, ông Nguyễn Quý Tr.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/KDTM-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T:

Buộc Công ty TNHH Bao bì V phải trả cho Công ty TNHH T số tiền 432.348.000 đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* theo biên bản xác nhận công nợ lập ngày 13/02/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc buộc: Ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400 đồng *(Sáu trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng)*.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc buộc: Ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

4. Đình chỉ yêu cầu buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại T4, phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, lãi chậm thi hành án.

Ngày 18/11/2024 nguyên đơn Công ty T kháng cáo 01 phần bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Nguyên đơn Công ty T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400đồng và buộc ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng**.**

* Đại diện bị đơn Công ty V bà Vũ Hoàng A và Bị đơn ông Nguyễn Quý H có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T4 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn Công ty T là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án số 37/2024/KDTM-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty T còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 24 Luật thương mại quy địnhđ: "*Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể*."

Công ty T và Công ty V có giao dịch mua bán bã vỏ hạt điều, hai bên không thực hiện ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa bằng văn bản mà thực hiện việc giao dịch bằng tin nhắn qua mạng xã hội Zalo là phù hợp với Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 13/02/2023, Công ty V xác nhận hiện còn nợ Công ty T số tiền 1.064.998.400 đồng; Tại bản tự khai ngày 18/3/2024 đại diện theo ủy quyền của Công ty V đã xác nhận hiện còn nợ Công ty T số tiền 1.064.998.400 đồng, Công ty T đã gửi Giấy đề nghị thanh toán; Công ty V nhận trực tiếp và yêu cầu được trả dần từ sau 02 năm nhưng không được Công ty T chấp nhận, tại phiên toà nguyên đơn Công ty T chỉ yêu cầu công ty V phải trả số tiền 432.348.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của Công ty T yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400đồng và buộc ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng - HĐXX nhận thấy:

Căn cứ Điều 335 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bảo lãnh là việc người thứ 3 (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh) nếu khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*."

Công ty T trình bày ông Nguyễn Quý H và Công ty T4 có thỏa thuận bảo lãnh cho Công ty V mua hàng tuy nhiên Công ty T không cung cấp được tài liệu

chứng cứ thể hiện có việc bảo lãnh, bảo lãnh toàn bộ hay bảo lãnh một phần nghĩa vụ. Các File ghi âm, tin nhắn chụp màn hình từ Zalo theo Vi bằng số 195/2023/VB-TPL ngày 26/4/2023 của Văn phòng Thừa phát lại Quận 5 mà Công ty T xuất trình không thể hiện nội dung ông Nguyễn Quý H hay Công ty T4 xác nhận sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ việc mua bã vỏ hạt điều của Công ty T.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty V và Công ty T4 thì ông H không phải là người đại diện theo pháp luật hay người có liên quan đến hai doanh nghiệp này, ông H cũng không được ủy quyền để thực hiện việc mua bán bã vỏ hạt điều thay cho Công ty V.

Mặc khác, tại biên bản xác nhận công nợ ngày 13/02/2023, Công ty V xác nhận hiện còn nợ Công ty T số tiền 1.064.998.400 đồng và tại biên bản xác nhận công nợ này chỉ có Công ty V và Công ty T ký kết, không có ông Nguyễn Quý H hay Công ty T4 ký kết, biên bản xác nhận công nợ này cũng không được gửi cho ông H hay Công ty T4, bên cạnh đó các hóa đơn GTGT của Công ty T đều xuất cho Công ty V chứ không có tên ông Nguyễn Quý H. Đồng thời, Công ty V xác nhận đây là công nợ của Công ty V không liên quan đến ông H hay Công ty T4 cũng như việc ông H chỉ thừa nhận là người trung gian giới thiệu việc mua bán hàng hóa ban đầu cho các bên, không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Xét các chứng cứ do Công ty T giao nộp là không đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Quý H hay Công ty T4 có thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bảo lãnh toàn bộ hay bảo lãnh một phần nghĩa vụ cho Công ty V, do vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty T yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400đồng và buộc ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng là không có cơ sở để chấp nhận, án sơ thẩm xử là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty T không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty T không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm áp dụng tuyên xử theo Điều 468 BLDS là chưa chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại theo Điều 306 Luật Thương mại.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty T không được chấp nhận nên Công ty T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Cùng các Điều luật đã viện dẫn;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn Công ty TNHH T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/KDTM-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T:

Buộc Công ty TNHH Bao bì V phải trả cho Công ty TNHH T số tiền 432.348.000 đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)* theo biên bản xác nhận công nợ lập ngày 13/02/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc buộc: Ông Nguyễn Quý H phải thanh toán số tiền công nợ là 632.650.400 đồng *(Sáu trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng)*.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T về việc buộc: Ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

4. Đình chỉ yêu cầu buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại T4, phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại:

[5. 1] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí là 29.306.016 đồng *(Hai mươi chín triệu ba trăm lẻ sáu nghìn không trăm mười sáu đồng)* nhưng được cấn trừ vào số tiền 21.974.976 đồng *(Hai mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018448 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH T phải nộp thêm 7.331.040 đồng.

- Nguyên đơn Công ty T phải chịu tiền án phí là 21.293.920 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng)* đối với yêu cầu ông Nguyễn Quý H phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền công nợ của Công ty TNHH Bao bì V là 432.348.000đồng *(Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng).*

- Bị đơn Công ty TNHH Bao Bì V phải chịu 21.293.920 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng.)*

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH T phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng được cấn trừ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029082 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thanh Tú